

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 25 - 9 -2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Ông Hoàng Thanh Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST-TCDS ngày 02 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-TCDS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Tháp B, số 194 T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Việt H, Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình; địa chỉ: Số 332A Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Đức T; nơi đăng ký cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/4/2021, giữa Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh Bắc Quảng Bình với ông Phạm Đức T đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15328490/HĐTD. Theo đó, ông T vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và rút số tiền trên; thời hạn cho vay 36 tháng; mục đích vay: thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị gia đình; lãi suất cho vay: 08%/năm trong thời gian 12 tháng đầu tiên kể từ ngày rút vốn vay, sau đó khoản vay được điều chỉnh sang lãi suất cho vay thông thường, được điều chỉnh 06 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân do Ngân hàng - Chi nhánh Bắc Quảng Bình công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng mức phí 4%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay cùng loại của Ngân hàng Bắc Quảng Bình công bố tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Phạm Đức T không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết, để phát sinh nợ quá hạn, thời điểm phát sinh nợ quá hạn của hợp đồng trên vào ngày 17/10/2022. Tính đến ngày 05/5/2023, dư nợ của khoản vay là 276.204.521 đồng, trong đó dư nợ gốc là 260.000.000 đồng, dư nợ lãi là 15.265.685 đồng, lãi quá hạn 983.836 đồng.

Để bảo đảm khoản vay và nghĩa vụ trả nợ, ông Phạm Đức T dùng tài sản hợp pháp của mình để thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/15328490/HĐBĐ ngày 28/4/2021. Tài sản thế chấp là thửa đất số 176, tờ bản đồ số 5; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; diện tích 110,7m²; theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY134280, số vào sổ cấp GCN: CS02068 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/11/2020 cho ông Phạm Đức T.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần Thông báo, làm việc nhưng ông T không trả được nợ theo cam kết. Do đó, Ngân hàng thực hiện thủ tục khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn để yêu cầu Tòa án buộc ông phạm Đức T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ.

Đối với ông Phạm Đức T: Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để triệu tập đến làm việc nhiều lần nhưng ông T vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác như sau:

Tại Công an xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: Công dân Phạm Đức T, sinh ngày 08/7/1983, có số CMND là 194305826 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 04/7/2012 hiện không đăng ký hộ khẩu thường trú và không sinh sống tại địa phương xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trong sổ đăng ký cư trú và trên hệ thống quản lý dân cư của Công an thể hiện công dân Phạm Đức T, sinh ngày 08/7/1983, có số CMND 194305826 hiện đăng ký hộ khẩu tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại UBND xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: UBND xã đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng nói trên UBND xã cử cán bộ tổng đạt cho bị đơn anh Phạm Đức T, tuy nhiên do hiện nay anh T không có mặt tại địa phương nên cán bộ UBND xã Đồng Trạch không tổng đạt được các văn bản tố tụng nói trên.

Tại thôn 5, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: Anh Phạm Đức T hiện đang sinh sống cùng mẹ đẻ ở thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, việc anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình hay không thì không xác định được.

Ngày 10/5/2023, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã tiến hành trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Đức T, tuy nhiên ông T đã cố tình trốn tránh không nhận các văn bản tố tụng. Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nói trên.

Tại Công an xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: Công dân Phạm Đức T, sinh ngày 08/7/1983, số định danh 044083008063, số CMND 194305826 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện công dân Phạm Đức T không có mặt, sinh sống tại địa phương. Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án.

Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Phạm Đức T nhưng ông T không nhận văn bản; vì vậy Tòa án tiến hành lập biên bản niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập theo quy định.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*
buộc ông Phạm Đức T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 với tổng số tiền 288.647.713 đồng, trong đó 260.000.000 đồng nợ gốc, 26.204.206 đồng nợ lãi, 2.443.507 đồng lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15328490/HĐTD ngày 29/4/2021. Tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp ông Phạm Đức T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản đảm bảo được Cơ quan có thẩm quyền xử lý, theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

- *Bị đơn vắng mặt, không thể hiện thiện chí, đề xuất phương án trả nợ.*

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các

bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Phạm Đức T vắng mặt, không tham gia giải quyết; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 116, 117, 299, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, buộc ông Phạm Đức T phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2023 là 288.647.713 đồng (Trong đó nợ gốc 260.000.000 đồng, nợ lãi 26.204.206 đồng và nợ lãi quá hạn 2.443.507 đồng). Trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/15328490/HĐBĐ ngày 28/04/2021 và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm số 01/2021/15328490/HĐUQ ngày 28/04/2021 được ký kết giữa ông Phạm Đức T và Ngân hàng TMCP Đ để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

+ Về chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, buộc bị đơn chịu T bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.0000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

+ Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, buộc bị đơn phải chịu T bộ án phí theo quy định; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn, quan điểm của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Phạm Đức T phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15328490/HĐTD ngày 29/4/2021. Bị đơn trong vụ án không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận khi giao kết hợp đồng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp dân sự, thuộc trường hợp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng và ông Phạm Đức T thống nhất trong hợp đồng tín dụng Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Phạm Đức T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

- Thời hiệu Ngân hàng khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

2.1. Xét yêu cầu buộc ông Phạm Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2023 với tổng số tiền 288.647.713 đồng, trong đó 260.000.000 đồng nợ gốc, 26.204.206 đồng nợ lãi, 2.443.507 đồng lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15328490/HĐTD ngày 29/4/2021. Tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử thấy: việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T với Ngân hàng là hoàn T tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật dân sự 2015; hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự 2015; hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự 2015. Ngân hàng đã giải ngân số tiền cho vay đối với hợp đồng tín dụng cho ông T là có thực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc. Sau đó ông T đã không thực hiện đúng các thỏa thuận đã cam kết và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 17/10/2022. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng ông vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các quy định về điều khoản thanh toán mà các bên đã tham gia ký kết tại các hợp đồng tín dụng nên khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 với tổng số tiền 288.647.713 đồng, trong đó 260.000.000 đồng nợ gốc, 26.204.206 đồng nợ lãi, 2.443.507 đồng lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/153284490/HĐTD ngày 29/4/2021 và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng là hoàn T có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ.

2.2. Xét yêu cầu trong trường hợp ông Phạm Đức T không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án buộc xử lý tài sản thế chấp theo Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/15328490/HĐBĐ ngày 28/04/2021 và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm số 01/2021/15328490/HĐUQ ngày 28/04/2021 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Thấy rằng, hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo khoản vay giữa các bên đã được công chứng và đăng ký bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật cũng như sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Do đó, trường hợp ông T không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thôn 5, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, diện tích 110,7m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY134280, số vào sổ cấp GCN: CS02068 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/11/2020 cho ông Phạm Đức T là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

[3] Về chi phí tố tụng: trong giai đoạn tố tụng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng; quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí số tiền 3.000.000 đồng (Có danh sách chi phí cụ thể); yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Phạm Đức T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, cần buộc ông Phạm Đức T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Ngân hàng khởi kiện được Tòa án chấp nhận T bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Phạm Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 116; 117; 119; 299; 317; 318; 319; 320; 322; 357; 401; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phạm Đức T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam: buộc ông Phạm Đức T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2023 với tổng số tiền 288.647.713 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm mười ba đồng*), trong đó 260.000.000 đồng nợ gốc, 26.204.206 đồng nợ lãi, 2.443.507 đồng lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2023) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15328490/HĐTD ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp ông Phạm Đức T không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: thửa đất số 176, tờ bản đồ số 5; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; diện tích 110,7m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY134280, sổ vào sổ cấp GCN: CS02068 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/11/2020 cho ông Phạm Đức T. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông Phạm Đức T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Đức T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Án phí: Buộc ông Phạm Đức T phải chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn số là 14.432.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.641.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm bốn mươi một*

ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003556 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn .

5. Quyền kháng cáo: án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2023), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức